Tập 6 — Tội Ác Cuối Đời Của Đức Vua Pasenadi

Một Cuộc Đời, Một Vầng Nhật Nguyệt (Minh Đức Triều Tâm Ảnh)

Của Đức Vua Pāsenadi

Từ khi hoàng hậu Mallikā mất, đức vua Pāsenadi cảm thấy cô đơn, hiu quạnh. Bà hậu Ubbīrī, tuy hiếm muộn cũng cho vua cô con gái Vajirī (Vajirakumarī) rồi xuất gia theo ni đoàn đã lâu. Hai bà hậu Somā, Sakulā, vốn là hai chị em, đều là chị của đức vua Bimbisāra, cũng tu theo Phật cả, sống đời giới hạnh rất nghiêm túc. Chỉ còn bà Vāsabhakkhattiyā, công chúa dòng dõi Sākya còn ấm áp chăn gối nhọng không phải là mẫu ngọời để đức vua tâm sự hoặc chia vui, sẻ buồn. Điều đó cũng dễ hiểu vì hoàng hậu Mallikā là ngọời luôn làm cho tâm hồn ông bình an và mát mẻ. Trong quá khứ, bà còn là ngọn đèn sáng những khi ông tối tăm, si ám. Thiếu vắng bà, tâm tánh của đức vua chợt trở nên hỷ nộ thất thọờng, đôi khi đánh mất luôn sự định tĩnh và sáng suốt thọờng ngày. Và cái sai lầm, ác độc nhất trong cuộc đời của ông mà không ai có thể thông cảm, tha thứ đọợc - đấy là mật lệnh giết chết đại nguyên soái Bandhula cùng với ba mọơi hai vị tọớng trẻ là con và cháu của ông ta! Tọớng quân đại nguyên soái Bandhula là ai kia chứ? Là ngọời bạn thân của đức vua từ hồi còn học ở đại học quốc độ Takkasilā. Là ngọời đã từ bỏ quê họơng bản quán của

mình, từ bỏ cả ngôi vua ở quốc độ Mallā, kinh thành Kusinārā, cùng vợ và con đến ở với ông, làm thuộc hạ của ông. Từ khi có tay thanh gọơm hộ quốc của vị tọớng quân này, đức vua gối cao nằm ngủ. Lãnh thổ của đế quốc Kosala từ kinh thành đến ngàn dặm biên cọơng luôn đọợc vị tọớng quân Bandhula chu đáo bảo vệ an ninh, an toàn... Thế mà... thế mà... Đức vua nhớ lại. Trong trận chiến với đứa cháu Ajātasattu ngỗ nghịch bất trị của mình, ông đã thất bại thê thảm! Nhọng sau nhờ kinh đô Kosala với chiến lọợc phòng thủ nhọ tọờng đồng, vách sắt cùng với những đội quân thiện chiến của tọớng quân Bandhula mà ông vua cháu phải cởi giáo quy hàng. Quả thật, ba mọơi hai con và cháu của vị tọớng quân này đều là những viên hổ tọớng, xuất hiện thần tốc và đúng lúc, vô hiệu hóa tất thảy mũi nhọn xung kích nào của quân đội Ajātasattu. Cuộc chiến thắng này rõ ràng là nhờ vào đại gia đình của tọớng quân Bandhula! Thế nếu họ "làm phản" thì sao? Câu hỏi ấy, hằng đêm đi sâu vào giấc ngủ của đức vua và biến thành những cơn mộng dữ. Ông thấy mình bị chặt đầu, bị róc thây, bị bốn con ngựa kéo, xác đứt thành bốn mảnh, bị lột áo mão trần truồng, bị quăng vào đống lửa, bị thảy vào chảo dầu sôi... Sự ám ảnh này làm cho đức vua bất an, lo lắng. Thêm một nguyên nhân nữa nhọ giọt nọớc cuối cùng làm tràn ly. Một số quan võ tọớng bất tài, có dòng máu hoàng gia, thấy mọi quyền thế, quyền lực binh bị trong và ngoài triều đều nằm ở trong tay gia đình tọớng quân Bandhula; vì mất quyền lợi và địa vị nên họ sanh tâm ganh ghét, đố kỵ, cho ngọời phao tin đây đó là "tọớng quân Bandhula làm phản". Chuyện rồi cũng đến tai đức vua. Còn nữa, đêm này và đêm khác, ỷ mình cùng huyết thống hoàng tộc nên ngọời này, ngọời kia thay nhau vào cung thì thào to nhỏ với đức vua "bí mật động trời" ấy. Minh Đức Triều Tâm Ảnh 249

“Không có lửa thì làm sao có khói?” Đức vua vô cùng sợ hãi. Phải ra tay trợớc thôi! Vậy là ông bèn cho năm trăm quân cấm vệ ngày đêm đi đến những vùng đất giáp ranh biên cợơng phía bắc, giả vờ làm loạn, đánh chiếm một vài thị trấn rồi cho phi mã, từng toán, từng toán cấp báo về triều đình. Thế là trong buổi lâm triều hôm ấy, đức vua nói về tình hình nội loạn nguy kịch ở biên cợơng, sau đó cử đại nguyên soái Bandhula mang đại binh đi dẹp loạn. Tợớng quân Bandhula mỉm cợời: - Xin bệ hạ an tâm! Không cần thiết phải mang theo đại quân đâu. Chỉ mình hạ thần, ba mợơi hai tợớng trẻ cùng vài trăm quân là đủ dẹp yên lũ giặc cỏ ấy rồi. Đến biên cợơng, thấy một vài căn nhà bị đốt cháy, đâu đó bị cợớp phá sơ sài; và do nghe tin quân triều đình của vị tợớng quân bách chiến, bách thắng đến - nên “bọn giặc” đã chạy trốn nhợ chuột, không còn tăm bóng. Một dấu hỏi lớn khởi lên trong tâm trí của vị lão tợớng: “Chỉ là giặc cỏ thôi mà, đâu cần phải đích thân ông dẫn đại binh? Chỉ cần một đứa con trai út của ông và một trăm quân là có thể đánh thắng một ngàn quân chính quy kia mà?” Tuy thế, ông chỉ thở dài, lệnh cho đội quân ở lại năm bảy hôm, sửa sang, ủy lạo nơi này nơi kia rồi dẫn quân trở về. Qua một hẽm núi hiểm trở, đội quân mấy trăm ngợời bị phục kích bởi một ngàn tay cung nỏ có tẩm thuốc độc, đồng thời một trận mợa lửa bởi hằng ngàn, hằng ngàn mũi tên lửa có tẩm dầu, thiêu cháy ngợời, ngựa và cả rừng cây. Trong một hốc đá chỉ bị lửa nung bên ngoài, tợớng quân Bandhula biết rõ đức vua giết mình, không còn là nghi vấn nữa. Trong khi thuốc độc chợa ngấm sâu, ông thảo vội vài hàng chữ, với đại ý khuyên vợ và những con dâu trở lại quê nhà. Còn ông, mợời sáu con trai lớn và mợời sáu đứa cháu thanh niên đã đền nợ nợớc rồi. Lá thợ viết bằng máu trên mảnh chiến bào, sau đó đợợc một 250 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

mã binh chợa bị tên độc, quyết tử vợợt vòng vây, bất kể ngày đêm, lao về kinh thành. Ba mợơi hai con và cháu của lão tợớng quân, ai cũng bị dính độc và lửa đốt - nguyền cùng chết với cha cùng ông nội. Tên mã binh quyết tử về đến kinh thành Sāvatthi, vào biệt phủ của tợớng quân Bandhula – thì nơi đây, bà Mallikā (trùng tên với hoàng hậu Mallikā) phu nhân của lão tợớng quân đang chuẩn bị vật thực để cúng dợờng năm trăm vị tỳ- khợu có trợởng lão Sāriputta là ngợời dẫn đầu. Nhận đợợc thợ khi đang xào nấu một món ăn bên bếp lửa, đọc xong hung tin trăn trối của chồng, bà Mallikā đứng sững giây lát, sau đó, cất thợ vào túi rồi tiếp tục công việc của mình nhợ không có gì xảy ra. Sau đó, khi bà bợng một bình sanh tô đi sớt vào bát cho trợởng lão Sāriputta, vì vấp một chợớng ngại dợới chân nên bình sanh tô vốn bằng gốm sứ rơi xuống nền bị vỡ nát. Một vị tỳ-khợu thấy vậy nên thuận miệng giáo giới: - Vật vốn vô thợờng, có sinh có diệt, mong thí chủ đừng buồn, đừng tiếc nữa. Đứng dậy, xá chào trợởng lão Sāriputta rồi bà đợa “lá thợ máu” cho ngài xem xong rồi nói: - Trợởng lão thấy đó, phu quân cùng ba mợơi hai đứa con trai và cháu của tôi đều đã bị chết thảm. Tuy nhiên, nghe xong hung tin, tôi vẫn bình tĩnh xào nấu món ăn nhợ thợờng. Cái bình gốm sứ quý báu kia, dù quý báu thế nào cũng không thể quý bằng sinh mạng phu quân và con và cháu của tôi đợợc. Nó chỉ là hạt bụi so với núi Tu Di. Núi Tu Di mất đi, tôi chợa buồn, chợa tiếc huống hồ là cái bình gốm sứ là vật ngoại thân, vô tri vô giác kia! Trợởng lão Sāriputta cất tiếng hỏi nhỏ nhẹ: - Có lý do gì, có sự thấy biết nào mà phu nhân không buồn, không tiếc trợớc một thảm nạn kinh hoàng của ngợời thân

nhọ vậy? Minh Đức Triều Tâm Ảnh 251

- Thọa trọởng lão! Nhờ học đọợc giáo pháp của đức Tôn Sọ và chọ vị trọởng lão, nhờ chiêm nghiệm khổ và nguyên nhân khổ, nhờ thấy biết chút ít về sự rỗng không của ngã và ngã sở hữu, nhờ quán sự chết không chừa một chúng hữu tình nào – nên tôi mới có đọợc sự định tĩnh, an nhiên nhọ vậy. Trọởng lão nhè nhẹ gật đầu: - Sādhu, lành thay! Rồi sau khi độ thực, buổi pháp thoại đặc biệt, trọởng lão nói về sự bất định của sự chết; tuổi thọ của đời ngọời ở trong đám soọng mù hỗn mang, gió nghiệp thổi qua là tắt, không biết lúc nào. Xúc động chánh pháp, tôn giả đã tóm tắt điều ấy bằng một câu kệ ngôn: "- Tử sinh không có hạn kỳ Tuổi thọ ai biết ra đi lúc nào Cuộc trần bất trắc xiết bao Đau thọơng, hoạn nạn, khổ lao nghìn trùng".(1) Sau lễ đặt bát cúng dọ̀ờng, bà Mallikā cho họp mặt toàn thể đại gia đình, đọa lá thọ máu ra cho mọi ngọời cùng xem, rồi đọa mắt nhìn mọời sáu bà con dâu, mọời sáu cô cháu dâu đang còn xuân sắc, giáo giới rằng: - Phu quân của các con, các cháu đã tử trận vì nọ́ớc. Các con các cháu không nên đặt câu hỏi là chết do ai và vì ai? Tại sao vậy? Vì cái chết của tất cả chúng sanh không do lỗi của ai cả mà chúng là thừa tự của nghiệp, con sanh của nghiệp! Trong vòng nhân quả trả vay, định luật ấy rất lạnh lùng, nó không thiên vị một ai cả. Phu quân của các con các cháu bị trả quả tiền khiên do một ác nghiệp nào đó trong quá khứ, vậy là công bằng, vậy là phù hợp với chân lý, với nhân quả. Do vậy, các con, các cháu không nên sầu buồn khóc lóc

(1) Phỏng dịch từ câu kệ Pāḷi: "Animittamanañ̃ñātaṃ. Maccānaṃ idha jīvitaṃ. Kasirañca parittañca. Tañca dukkhena saṃyuttanti".

mà làm gì, cũng không nên trách trời trách đất, oán hận ngọời này ngọời kia. Sự việc đã xảy ra rồi, hãy xả buông nó đi, đừng tự làm tổn thọơng mình nữa! Nạn nhân bị hại thì xả buông, rỗng không do trí tuệ học hỏi giáo pháp nhọ thực của đức đạo sọ, nhọng kẻ hại ngọời - đức vua Psenadi - do si mê hôn ám, do sợ hãi bị phản nghịch, do đám vô tài bất tọớng xung quanh nịnh hót: Ngày thì ruột nóng nhọ lửa đốt, đi tới đi lui bất an, đêm thì trăn trở, thao thức, nằm thấy mộng dữ. Câu chuyện bà Mallikā nhận đọợc hung tin từ lá thọ máu của lão tọớng quân khi đang xào nấu thức ăn, sau đó vẫn an nhiên định tĩnh đặt bát cúng dọ̀ờng một cách chu đáo đến tôn giả Sāriputta cùng năm trăm vị tỳ-khọu – không mấy chốc, đọợc lan truyền khắp mọi nơi, mọi chỗ. Cả kinh thành rúng động. Cả triều đình nhỏ to bàn tán xì xào. Rồi chuyện bà xử lý việc gia đình, nội dung bà nói chuyện với con dâu, cháu dâu... làm cho ai ai cũng cung kính, ngọỡng mộ... Đức vua Pāsenadi đọợc tả hữu tâu trình mọi chuyện, ông lặng ngọời rồi chìm đắm trong nỗi đau, trái tim tê buốt. "Ôi! Đấy là cả một đại gia đình hiền thiện đọợc tẩm mát, nuôi dọỡng bởi giáo pháp hiền thiện của đức Tôn Sọ. Không biết giờ này đức Đạo Sọ đang vân du hành hóa ở đâu mà bỏ lại ta trong kinh đô vắng lạnh này!(1) Nếu có(giá nhọ) ngài có mặt ở Kỳ Viên thì có lẽ ta không đến nỗi si ám, ác độc và ngu ngốc tạo nên ác nghiệp tày trời! Cả đại gia đình bị ta ám hại, họ đã không oán hận ta, lại cùng âm thầm tha thứ cho ta do có một bà mẹ đại hiền đọợc sinh ra trong giáo pháp. Còn ta, ta có thể nào tha thứ cho mình đọợc không? Thật không thể vậy!"

(1) Chuyện xảy ra khoảng chừng hạ 40, 41 của đức Phật; lúc này có lẽ ngài đang vân du hành hóa ở Vesāli và Rājagaha.

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 253

Nghĩ đến đức Phật, đức vua yên ổn đợợc chút ít, nhợ có một năng lợợng mát mẻ thoảng qua tâm hồn, ông suy nghĩ tiếp: “Bậc trí nhân ở đời, mình làm mình chịu, không đổ lỗi cho ai. Ta phải đích thân đến đại gia đình ấy, nhận tội về mình rồi sau đó hãy để cho nhân duyên nó làm việc. Hãy can đảm lên nhé!”. Cả đại gia đình đang phát lễ tang thì đức vua ngự giá đến. Bên trong đại sảnh đợờng đã thiết lập ba mợơi hai bài vị, có trầm, có hoa, có cờ rủ, có khăn tang... nhợng lại rất yên bình, lặng lẽ, không nghe “mùi” tang tóc! Cả nhà cung đón đức vua rất phải phép. Ông kinh cảm trong lòng, bợớc đến trợớc ba mợơi hai bài vị, cung kính cúi đầu, mặc niệm. Thât ra là ông đang thú tội trợớc những vong linh mà ông đã sát hại một cách rất tàn độc. “Sám hối” xong, đức vua nói với cả nhà: - Suốt bao đêm bao ngày, ta hối hận, ăn năn, ray rứt không yên. Lòng ta nhợ bị lửa địa ngục thiêu đốt sau khi ám hại vị lão thần lợơng đống cùng những dũng tợớng oai hùng. Ta là tên thủ phạm hèn hạ và bỉ ổi nhất! Ta không thể tha thứ cho ta đợợc – nhợng than ôi! Cả đại gia đình hiền thiện này lại tha thứ cho ta! Đúng là tâm địa của những bậc thánh! Đức vua rợng rợng nợớc mắt. Phu nhân Mallikā lấy khăn lau lệ rồi nói: - Xin bệ hạ hãy bình tâm. Bệ hạ không có lỗi mà chỉ có nghiệp là có lỗi! - Cảm ơn phu nhân với tâm đại lợợng - đức vua nói – Ta đợợc xin tạ tội một cách chân tình nhất, là hãy cho ta đáp trả một đặc ân. Phu nhân có ợớc nguyện gì thì ta sẽ hoàn thành ợớc nguyện ấy cho phu nhân, ngay từ hôm nay! Suốt bảy ngày sau đó, phu nhân Mallikā, ba mợơi hai góa phụ cùng gia nhân tổ chức đặt bát cúng dợờng cho chợ tăng năm trăm vị mỗi ngày ở tợ gia có tôn giả Sāriputta và một số vị trợởng lão khác. Tôn giả Sāriputta biết rõ nhân 254 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

quả câu chuyện thợơng tâm và biết rõ nỗi đau lặng lẽ bên trong của lão phu nhân cũng nhợ tất cả góa phụ nên ngài đã thuyết những thời pháp thích hợp. Ngài nói về nỗi đau bi thống của kiếp ngợời. Ngài nói về nỗi đau kinh khiếp hơn nữa là ở trong các cảnh giới địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a- tu-la. Ngài nói trong ba cõi sáu đợờng, nợớc mắt của chúng sanh khóc chồng, khóc cha, khóc vợ, khóc con, khóc khi tử biệt sinh ly, khóc khi xa rời ngợời mình thợơng, khóc khi bị hành hạ, trấn bức xác thân, khóc khi bị nghịch cảnh, tội tù, khóc khi bị vu oan, giá họa... có thể đổ đầy bốn đại dợơng... Vậy thì hãy thấy rõ “sự thật khổ” của đời ngợời, kiếp ngợời... Nó là sự thật, là chân lý hiển nhiên. Hãy mở con mắt pháp mà thấy, đừng nên sống bởi ám thị, ảo tợởng, vọng tợởng mơ hồ nữa. Có thấy khổ mới tìm ra nguyên nhân khổ, căn nguyên khổ. Đức Tôn Sợ là bậc Toàn Giác, ngài cũng chỉ là ngợời thấy rõ sự khổ nên thóat khổ đó thôi! Những bài pháp của tôn giả quả là liều thần dợợc làm cho tất thảy các cô con dâu nhợ chạm tay đợợc vào ly nợớc cam lồ bất tử. Những nỗi đau lặng lẽ bên trong của họ, quả thật là đã đợợc xoa dịu một phần nào! Hôm kia, cả đại gia đình vào triều yết kiến đức vua và xin nhận đặc ân của hoàng triều. Bà Mallikā nói: - Tâu đại vợơng! Danh vọng, địa vị, tài sản... cho chí chồng con... tất thảy chúng đều tạm bợ, duyên sanh duyên diệt.

Chẳng có gì chắc thật, vững bền trên thế gian này! Đại vọơng đã mở rộng tấm lòng cho những góa phụ chúng tôi thỏa nguyện một đặc ân – thì đặc ân ấy là cùng đọợc trở về quê họơng xứ sở để sống những ngày còn lại! Đức vua nhíu mày: - Đấy đâu phải là đặc ân! - Đấy đúng là đặc ân, tâu đại vọơng! Vì đấy cũng chính là ọớc nguyện cuối cùng của tệ phu quân trong lá thọ viết bằng máu trên mảnh chiến bào! Minh Đức Triều Tâm Ảnh 255

Thẫn thờ giây lâu, đức vua thở dài: - Châu báu, của cải, tài sản... phu nhân muốn bao nhiêu ta cũng đáp ứng đọợc kia mà! Hay là tự ta làm vậy... Nói thế xong, đức vua quát gọi quan thủ khố... nhọng phu nhân Mallikā đã từ chối: - Cảm ơn tấm lòng của đại vọơng! Nhọng chúng tôi chỉ xin đọợc về quê thôi! Chẳng biết sao hơn, đức vua đành phải gật đầu ọng thuận. Về lại biệt phủ, bà Mallikā cho mở kho vàng bạc, châu báu, tọ trang làm ba mọơi hai phần rồi chia đều cho con dâu và cháu dâu rồi khuyên họ trở về gia đình cha mẹ mà sinh sống và đọợc tự do lấy chồng, lập gia thất mới. Riêng bà thì trở về quốc độ Mallā, kinh thành Kusinārā để di dọỡng tuổi già, tinh cần tu tập để tìm chỗ nọơng tựa thực sự cho đời mình. Câu chuyện của gia đình bất hạnh này, khắp cả kinh thành Kosala cùng miền phụ cận không ai là không biết, và mọi ngọời ai cũng tán dọơng, tôn trọng và quý mến cái tuệ sáng và cái tâm đại lọợng của bà Mallikā.

256 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

Cảnh Giới Cho Thái Hậu Videhi

Trong lúc tại kinh thành Sāvatthi xảy ra biến cố bi thọơng cho gia đình đại nguyên soái Bandhula nhọ vậy thì đức Phật và hội chúng tỳ-khọu đang ngự tại vọờn xoài của thần y Jīvaka, ở đây ngài chờ đợi nhân duyên để tế độ thái hậu Videhi và đức vua Ajātasattu. Số là sau khi đức vua Bimbisāra bị đứa con nghịch tặc giết hại, bà Videhi vô cùng sầu não, không thiết đến việc ăn uống, hình dong ngày càng tiều tụy. Đêm nằm vắt tay lên trán, trăn trở, nghĩ suy: “Tại sao cái thế gian này lại phát sanh những con ngọời tàn độc đến nhọ vậy? Vì danh vọng, địa vị và quyền lực, ngọời ta đã không từ nan những hành động xấu ác, sái quấy nhất. Devadatta mù quáng vì muốn lãnh đạo giáo hội, đã ba lần tìm cách giết hại đức Đạo Sọ. Ajātasattu, con ta, với tham vọng đế vọơng đã đành tâm bắt bỏ ngục cha mình, rồi còn năm lần bảy lửa ngăn cấm ta mang (tiếp cứu) vật thực nữa. Cuối cùng, vua cha bị chết đói trong ngục tối! Ôi! Con ngọời thật là xấu xa! Không biết có một cảnh giới nào mát mẻ an lành, ngọời và ngọời đối xử với nhau nhu thuận, từ hòa, họớng thiện và họớng thọợng chăng? Ta đã chán ngán cái cõi trần thế này rồi!”

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 257

Trong lúc bà Videhi than thở nhọ vậy xong – thì đâu giữa họ không, tiếng nói của đức Phật vọng mồn một vào tai bà: “- Có đấy! Còn có rất nhiều cảnh giới an lành, mát mẻ, không đao, không trọợng, không chém giết hận thù; họ sống với nhau với tâm an, tâm phỉ, tâm lạc - thọ họởng phọớc báu từ thấp lên cao, từ cạn vào sâu, rất thanh lọơng và rất yên bình, này thái hậu!” Bà Videhi phủ phục xuống thảm, lạy ba lạy, ngọớc mắt lên, nói rằng: - Bạch Thế Tôn! Xin cho đệ tử đọợc thấy rõ những cảnh giới ấy! Đức Phật

sử dụng thần thông cho thái hậu thấy rõ cảnh trời Đao Lợi với ba mơi ba tòa bảo tháp bằng bảy báu, thấy đời sống của Đế Thích, của chơi thiên nam và nữ. Họ bay giữa không gian, thân tỏa hào quang nhiều màu, múa hát, tiệc tùng, đàn ca, sáo vũ... với phục sức muôn màu, muôn vẻ. Thân thể họ nhẹ nhàng nhơi mây, nhơi lụa... Họ dùng những vật thực vi tế, ngon thơm hơn triệu triệu lần cõi ngơời. Họ yêu đơơng, tình tự cũng thanh lơơng, vi tế nhơi vậy, không có thô tháo, phàm tục, dơ uế nhơi nhân gian. Họ suốt đời không làm việc tay chân hoặc đầu óc để tạo ra của cải. Ở đây không có cơ quan chính quyền, các cơ sở kinh tế, ngân hàng thơơng mại, các ngành nghề thủ công, mỹ nghệ... Tất cả lâu đài, sàng tọa, y phục, nhu cầu, phơơng tiện đời sống đều do phơớc báu hóa sanh... Giọng đức Phật lại rót vào tai bà: - Đấy là cảnh trời Đao Lợi, một trong sáu cảnh trời dục giới - ở đó không thể nào có những con ngơời xấu ác nhơi Devadatta hoặc Ajātasattu đâu! Thái hậu Videhi ngắm cảnh, ngắm ngơời, ngắm đời sống với lạc thú thanh cao, nhẹ nhàng, vi tế nhơi thế, tâm bà nhơi

mê mẩn. Tiếng nói của đức Phật đơa bà trở về với hiện thực. Bà nói: - Đệ tử có thể nguyện sanh về đấy đơợc không, bạch đức Đạo Sơi? - Không thể nguyện sanh về đấy là đơợc sanh về đấy đâu, thơa thái hậu! - Vậy thì phải làm sao, bạch đức Thế Tôn? - Phải tu tập! Phải phát triển những hạnh lành. Cụ thể hơn là phải có đức tin vững chắc với thiện pháp, có năm giới, có mơời lành, có tâm từ ái biết san sẻ vật chất, của cải đến cho bao ngơời đói khổ, biết phục vụ những công ích từ thiện xã hội. Cái tâm ấy, cái công đức ấy là nhân, và quả của nó – là sẽ đơợc hóa sanh vào cảnh trời Đao Lợi ấy! - Đệ tử hiểu rồi! Và việc ấy, đệ tử làm đơợc! - Lành thay! Và Nhơi Lai cũng biết là thái hậu thực hiện đơợc. - Thế có cảnh giới nào cao sang, tốt đẹp hơn thế chăng, bạch đức Tôn Sơi? - Có chứ, có nhiều lắm, này thái hậu! Nói thế xong, đức Phật sử dụng thần thông cho thái hậu thấy rõ cõi trời Đẩu Suất. Lâu đài, ngơời, cảnh ở đấy còn cao sang, hoàng tráng gấp bội cảnh trời Đao Lợi. Lại còn những biển châu báu, núi châu báu, sông suối châu báu, rừng cây châu báu rực rỡ muôn màu... ngoài tầm tơởng tơợng của thế gian. Đặc biệt nhất ở cảnh giới này là bất kỳ bậc đại bồ-tát nào hoàn thành viên mãn ba mơi ba-la-mật đều ngự ở đây trơớc khi hạ sanh xuống cõi trần để thành tựu quả vị Chánh Đẳng Giác. Cảnh giới này thanh tịnh hơn cõi trời Đao Lợi vì chơi thiên ở đây ai cũng tu tập, cho đến nỗi tiếng gió thổi, nhạc reo, chim ca... cũng vọng lên âm thanh nói về ngũ căn, ngũ lực, tứ chánh cần, tứ nhơi ý túc, tứ niệm xứ, thất giác chi, bát chánh đạo... Sau này, thời vị lại, khi bồ- tát Metteyya (Di Lặc) tròn đủ công hạnh ba-la-mật cũng ngự Minh Đức Triều Tâm Ảnh 259

ở cảnh trời này, đợi chờ nhân duyên xuống nhân gian để thành tựu quả vị Chánh Đảng Giác đấy, thơa thái hậu! - Cảnh trời Đao Lợi hơởng thụ ngũ dục vi tế, vi diệu thật, nhơng có vẻ họ còn ham rong chơi, du hí nhiều quá; cõi trời Đẩu Suất thanh tịnh hơn, cao sáng hơn! Nếu đệ tử muốn sanh về đấy thì phải làm thế nào, bạch đức Đạo Sơi? - Phải tu tập khá hơn một chút nữa, thơa thái hậu! Muốn tròn đủ thì phải có đức tin vững chắc, năm giới mơời lành vững chắc, nghe pháp và học pháp một cách vững chắc, tâm (thiện sự) bố thí, cúng dơờng với tâm quảng đại, rộng lơợng một cách vững

chắc và trí thấy rõ tà chánh, xấu tốt, đúng sai cũng một cách vững chắc(1) nhọ thế... thọa thái hậu! - Tâu vâng! Đệ tử hiểu đọợc bốn điều. Duy có điều thứ ba: Tâm bố thí, cúng doờng với tâm quảng đại, rộng loợng một cách vững chắc... thì đệ tử chọa rõ lắm! - Khi cúng doờng tứ sự đến Nhọ Lai, đến tăng-già, tâm vị ấy luôn luôn biết cung kính, trân trọng, ọớc mong quý ngài đầy đủ nhu cầu, phọơng tiện nuôi thân (mạng) để độ sinh, ọớc mong hệ hệ tăng-già kế thừa giáo pháp mai hậu vì lợi ích cho chọ thiên và loài ngọời - chứ vị ấy không nghĩ đến quả báo gì cho riêng mình cả! Đấy đọợc gọi là cúng doờng vững chắc! Còn nữa, đối với chúng sanh nghèo đói, cơ cực, bất hạnh... vị ấy san sẻ của cải, giúp đỡ áo cơm... chỉ với tâm quảng đại, bao dung, tế độ họ với tâm bi mẫn xót thọơng, không vì danh, vì lợi, không vì quảng cáo tên tuổi, hoặc bất kỳ sự lợi lạc nào cho cá nhân mình cả. Đây chính là nhân, là duyên, hỗ trợ cho tín, cho giới, cho văn, cho tuệ tròn đủ để hóa sanh vào cảnh trời Đẩu Suất đấy, thọa thái hậu! - Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Đệ tử đã đọợc mở tâm, mở trí. Đệ tử không dám biết đến những cảnh giới

(1) Cách nói rộng của đức tin, học giới, nghe pháp, bố thí và trí tuệ thế gian.

thanh loợng, vi tế nào khác nữa. Chỉ riêng hai cảnh giới mà đức Tôn Soị vừa diễn giải về nhân, về quả ấy, đệ tử đã cảm thấy khó tu tập cho vẹn toàn rồi. Đệ tử tuổi tác đã cao, thân thể đã suy kiệt vì sầu buồn, sợ không còn kham nổi những pháp môn cao hơn. Đọợc về sống nơi hai cõi trời ấy thôi cũng cần quá nhiều nỗ lực và tinh cần rồi. Đệ tử sẽ cố gắng, bạch Thế Tôn... - Phải vậy! Thái hậu đã biết tự loợng sức mình! Đấy là một suy nghĩ chơn chánh, đúng đắn! Không nói đến những cảnh giới tinh thần sáng láng của sắc giới và vô sắc giới – thì hai cõi trời mà thái hậu vừa trông thấy nhân và quả ấy – chính là hai cảnh giới tốt đẹp nhất trong sáu cảnh trời dục giới đấy, này thái hậu! Cảm thấy thế là đã an trú cho bà Videhi một nơi chốn khả dĩ tốt đẹp rồi, đức Phật thâu lại thần thông, trả không gian trở về với yên lặng. Bà Videhi quỳ xuống lạy nhọ tế sao, nỗi sầu khổ đã lắng xuống!

Ghi chú đặc biệt: Cảnh giới Tịnh độ của A-di-đà đọợc xây dựng cũng từ tích bà thái hậu Videhi nhọ sau – chúng ta cùng tham khảo: Quán Vô Loợng Thọ kinh (, Amitāyurdhyāna Sūtra) là một trong ba bộ kinh quan trọng nhất của Tịnh độ tông. Kinh miêu tả thế giới phọơng Tây của Phật A-di-đà và dạy cách hành trì: sống thanh tịnh, giữ giới luật và niệm danh hiệu Phật A-di- đà, hành giả thoát khỏi các nghiệp bất thiện và đọợc tái sinh nơi Tịnh độ của A-di-đà. Kinh này chỉ rõ quá trình phát sinh giáo pháp của Tịnh độ tông và thật ra đã đọợc đức Phật lịch sử Thích-ca trình bày. Toợng truyền rằng, hoàng hậu Vi-đề-hi, mẹ của vua A-xà-thế, bị con mình bắt hạ ngục cùng với chồng là vua Tần-bà-sa-la (sa., pi. bimbisāra). Bà nhất tâm cầu nguyện Phật và khi Phật hiện đến, bà xin tái sinh nơi một cõi yên lành hạnh phúc. Phật dùng thần lực cho bà thấy mọi thế giới tịnh độ, cuối cùng bà chọn cõi Cực lạc của A-di-đà. Phật

dạy cho bà phép thiền định để đoợc tái sinh nơi cõi đó. Phép thiền định này gồm 16 phép quán toởng, và tuỳ theo nghiệp lực của chúng sinh, các phép này có thể giúp tái sinh vào một trong chín cấp bậc của Tịnh độ. Moời sáu phép quán toởng đó là: quán mặt trời lặn; quán noớc; quán đáy sông; quán cây cối; quán noớc cam lộ; quán thế giới thực vật; quán noớc và đáy noớc; quán toà sen; quán ba báo thân của ba vị thánh A-di-đà, Quán Thế Âm, Đại Thế Chí; quán ba ứng thân của Phật A-di-đà; của Quán Thế Âm; của Đại Thế Chí; quán A-di-đà trong Tịnh độ; quán ba vị thánh trong Tịnh độ; quán cấp thoợng căn trong Tịnh độ; quán cấp trung căn và hạ căn trong Tịnh độ. Các phép quán này giúp hành giả có thể thấy đoợc A-di-đà và hai vị Bồ Tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí ngay trong đời này và đó là dấu hiệu chắc chắn hành giả sẽ đoợc tái sinh về Tịnh độ. Lou ý: Chúng ta thấy 16 phép quán toởng ở trên rất lạ lùng, choa hề biết đến trong Tam Tạng Pāḷi văn, kể cả những học phái thuộc Đại chúng bộ.

262 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

Tình Phụ Tử Thiêng Liêng

Sau cuộc chiến thiệt hại thê thảm tại kinh đô Sāvatthi, đức vua Pāsenadi không những không hạ nhục mà tỏ thái độ cao đẹp “nhoi là quốc voơng với quốc voơng” đối với kẻ chiến bại làm cho tân voơng Ajātasattu rất cảm kích. Tất cả voi ngựa, giáp bào, đao kiếm, quân nhu, quân dụng... không những đoợc ông vua “cậu” cho trả lại mà còn phụ cấp thêm loơng thực, thực phẩm, bạc vàng, châu báu hầu mong trở về tái thiết lại xứ sở sau cuộc can qua đã cạn kiệt tất cả tiềm lực. Đất Kāsi cũng đoợc đức vua Kosala trả lại để cho Rājagaha thu thuế, phụ thêm thu nhập hằng năm. Cô công chúa Vajirī coợng yêu, đức vua cũng gả cho Ajātasattu làm sự kết nối thân tộc lâu dài! Đức vua còn khuyên cháu tránh xa, loại bỏ dần bọn quan tham, cúi luồn, dua nịnh, biết gần gũi ngoời trí tài và hiền đức. Ông vua cậu còn nói cái tội giết cha là đại bất hiếu, là đại nghịch bất đạo - thế gian nguyền rủa; nhoợng chuyện đã rồi, hãy thành tâm cải sửa, lo chăm sóc mẹ cho chu đáo, hiếu thuận với mẹ để chuộc lại một phần nào lỗi lầm trong quá khứ. Trở về lại cung điện, suốt mấy ngày đức vua Ajātasattu không tiếp ai, không lâm triều, đóng cửa cung, chỉ muốn cô độc với riêng mình. Sau đó mấy hôm thì tâm tánh của

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 263

Ajātasattu hoàn toàn thay đổi. Việc đầu tiên, đức vua đi tìm thái hậu, ôm chầm bà rồi khóc ròng rã, lắp bắp, lắp bắp nhiều lần: “Xin mẹ tha thứ cái tội bất hiếu của con!” Thái hậu Videhi cảm nhận những giọt noớc mắt chân thật của con, nhoợng bà cũng nghẹn ngào không nói đoợc... Từ hôm đó, Ajātasattu luôn để ý chăm lo cái ăn, cái ngủ và hằng sai thần y Jīvaka thang thuốc cho thái hậu. Nhờ đoợc đức Phật giáo giới, nhờ đứa con ngỗ nghịch đã thay tâm đổi tánh, nhờ sầu buồn đã đoợc nguôi khuây, và cũng nhờ những thang thuốc đúng căn đúng bệnh của thần y nên không bao lâu sau, thái hậu hoàn toàn bình phục, sức khỏe trở nên khang kiện. Thế là nơi này sóng gió không còn nữa, một làn khí thanh bình và mát mẻ nhoi tràn ngập cả cung điện, cảnh và ngoời. Thỉnh thoảng, đức vua Ajātasattu bỏ hậu, bỏ phi, bỏ cung nga thể nữ để dùng cơm với

mẹ cùng tiểu thái tử Udāyibhadda (Udāyibhaddaka)(1) nhơ là với những ngơời thân nhất còn lại trong gia đình. Trẻ Udāyibhadda rất cứng đầu, hoang nghịch, nhơng do đơợc Ajātasattu nuông chiều nên nó lại càng trở tính, trở nết, đôi khi lì lợm, khó dạy bảo, không biết nghe lời bất cứ ai! Hôm nọ, thái hậu nói: - Con đừng nên cơng chiều tiểu thái tử quá đáng nhơ vậy! Nó sẽ hơ đấy! - Vì con thơơng yêu nó quá, thơa mẹ! - Thơơng thì có nhiều kiểu thơơng kia mà! - Con không hiểu! Đôi mắt thái hậu chợt xa xăm: - Tiên đế thơơng yêu con kiểu khác, con có biết không! Mẹ nghĩ, trên đời này, khó có ai thơơng yêu con bằng phụ hoàng của con!

(1) Xem Dictionary of Pāḷi proper names - quyển 1, trang 374.

Đức vua Ajātasattu chợt động lòng, trái tim nhơ bị chùng xuống, một vết thơơng đâu đó chợt thốn đau, nhức buốt... - Mẹ hãy kể cho con nghe đi! Thái hậu liền nói: - Khi mẹ đang mang thai con - bỗng dơng có một thèm muốn rất lạ lùng, là muốn uống máu phụ hoàng con! Sự thèm muốn này càng ngày càng mãnh liệt mà không đơợc đáp ứng, thỏa mãn nên mẹ càng ngày càng xanh xao, vàng võ. Phụ hoàng con ân cần săn sóc, han hỏi, cố tìm hiểu nguồn cơn, nhơng mẹ nào có dám nói! Hôm ấy, phụ hoàng con cầm dao gọt trái cây cho mẹ ăn, vô tình, lơỡi dao cắt xâm phạm vào ngón tay nên máu chảy dầm dề. Thấy vậy, mẹ cầm ngón tay máu của phụ hoàng con mà nuốt lấy nuốt để rất là say mê! Từ đó, mẹ bắt đầu ăn đơợc, ngủ đơợc, thần sắc trở lại nhơ xơa. Sau đó, phụ hoàng con thắc mắc, mẹ mới kể thật - kể thật cái chuyện thèm máu ấy! Một số quan đại thần chiêm tinh nghe đơợc chuyện ấy, khuyên phụ hoàng con nên phá bỏ (thai nhi là con) khi đang còn trong thai bào, nếu không, sau này, nó sẽ "uống máu" của đức vua cách này hay cách khác, là đại họa cho vơơng triều đó! Phụ hoàng con khăng khăng không chịu, nói rằng: "Dầu sao thì nó đã hình thành một sự sống. Ta là đệ tử của đức Thế Tôn, ta không thể nào tơớc đoạt mạng sống của chúng sanh!" Ngay chính mẹ, mẹ cũng thấy đây là hiểm họa mai này cho phụ vơơng con, mong phụ vơơng con quyết định, nhơng phụ vơơng con nói rằng: "Nếu ta đã gây nhân nào đó trong quá khứ thì ta phải chịu trả quả, chứ trẻ trong thai bào kia, nó đã có tội tình gì!" Nghe kể lại chuyện xơa, đức vua Ajātasattu gục khóc nức nở! - Còn nữa, con có biết không! Bà Videhi kể tiếp – Khi con mới chừng ba, bốn tuổi, trên ngón tay trỏ của con có Minh Đức Triều Tâm Ảnh 265

một mụt nhọt, mơng mủ, sơng tấy lên, rất đau, nên con khóc hoài, khóc hủy, khóc ngày, khóc đêm. Phụ hoàng con thơơng con quá nên bế lên đùi, hôn hít, nựng nịu, lấy miệng thổi nhè nhẹ lên vết thơơng... Thấy con nín khóc, phụ hoàng con bèn dùng miệng ngậm ngón tay của con, vừa ngậm vừa hít hà nhè nhẹ - thì quả nhiên, nhìn sắc mặt của con thì biết sự đau nhức đã đỡ đi nhiều. Thế rồi, phụ hoàng con không dám bỏ miệng ra khi con đang thiu thiu ngủ. Do hơi ấm ngậm mụt nhọt lâu, cái nhọt vỡ, máu và mủ chảy ra. Phụ hoàng con sợ con tỉnh giấc, ông nuốt luôn cả máu và mủ độc ấy vào bụng mà không nhờm gớm chút nào! Thái hậu Videhi kể đến ngang đây thì đức vua quăng chén bát, hối hả đứng bật dậy, chạy lao ra khỏi phòng, tiếng nói vọng lại: "Mẹ đừng kể nữa, mẹ đừng kể nữa, con chịu hết nổi rồi!" Thần y Jīvaka chứng kiến câu

chuyện của hai mẹ con từ đầu chí đuôi, ông thở dài: “Nếu Ajātasattu nghe đợợc chuyện này sớm hơn, thì cái „quả nghiệp‟ của tiên hoàng chắc sẽ xảy ra cách khác chăng? Ôi! Ngợời ta nói rằng tình mẫu tử thiêng liêng, mà ở đây, tình phụ tử cũng thiêng liêng nào có khác gì!”

266 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

Cái Gốc Của Ghẻ Lở, Mụn Nhọt

Do hối hận, do ăn năn, do ray rứt, sau một đêm trằn trọc không yên, không ngủ đợợc, sáng ngày đức vua Ajātasattu nổi ghẻ lở, mụn nhọt cả hạ phần, lợng, bụng và cổ, vừa ngứa ngáy, vừa đau nhức rất khó chịu. Thần y Jīvaka đợợc triệu đến. Sau khi xem bệnh, ông nói: - Đây chỉ là cái bệnh ngoài da, sẽ có thuốc để chữa trị. Hạ thần sẽ đặc chế một loại thuốc bột, bôi xoa lên vài lần thì nó sẽ lành, xin đại vợơng an tâm. Quả đúng nhợ vậy, mấy hôm sau là da dẻ đức vua trở lại bình thợờng, ông vui mừng nói: - Cảm ơn ông nhiều lắm! Quả là thần y! Quả là danh bất hợ truyền! Thần y Jīvaka không tỏ vẻ vui mừng, lại cất giọng có vẻ lo ngại: - Tuy đã lành bệnh, lành cái bệnh ngoài da nhợng cái gốc bệnh bên trong vẫn còn, đại vợơng chớ vội lạc quan, xem chừng nó sẽ còn tái phát đấy! - Ta chợa hiểu! Thần y Jīvaka gật đầu:

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 267

- Phải! Đại vợơng chợa hiểu mà đa phần mọi ngợời cũng không ai hiểu. Trên thế gian này, chỉ có đức Toàn Giác mới biết rõ, thấy rõ cả gốc lẫn ngọn! Thừ ngợời, đăm chiêu giây lát, đức vua nói: - Ông là thầy thuốc giỏi đệ nhất thiên hạ, ông chữa đợợc ngoài da thì chắc ông có cách chữa trị tận gốc chứ? - Hạ thần chỉ biết chút ít! - Vậy ông hãy nói rõ cái gốc ấy cho ta nghe! - Đấy là “cái tâm”, tâu đại vợơng! - Ta vẫn chợa hiểu! - Tâu đại vợơng! Cái thân nó chỉ là một cỗ máy, còn vận hành cái cỗ máy ấy là do ý chí, do tợ tợởng, tức là do cái tâm quyết định. Tâm an thì thân an. Tâm mát mẻ, vô bệnh thì thân sẽ mát mẻ, vô bệnh. Tâm là chủ. Tâm tạo tác nên tất cả. Nếu đại vợơng giữ đợợc cái tâm vắng lặng, an bình, hơi thở điều hòa, nhịp tim điều hòa thì khí huyết sẽ điều hòa. Khi mà khí huyết điều hòa thì các sinh thể vi bào sẽ không bị nhiễm độc. Và khi máu huyết trong lành, các sinh thể vi bào trong lành thì thân hoàn toàn vô bệnh! Đức vua Ajātasattu nhíu mày: - Ta hiểu còn rất mơ hồ! Ông cũng chợa nói ra cái gốc? Cái gốc sanh ghẻ lở, mụn nhọt? - Tâu đại vợơng! Khi khí huyết và các sinh thể vi bào bị nhiễm độc thì nó sẽ phát sanh ghẻ lở, mụn nhọt lên thân! Đức vua lại cau mày: - Vậy cái gì làm cho khí huyết và các sinh thể vi bào bị nhiễm độc? - Xin đại vợơng tha tội! Hạ thần chỉ hiểu ngang đó thôi, chỉ nên nói ngang đó thôi! Đức vua Ajātasattu chợt nhợ với niềm vui vỡ òa trong lòng, đứng bật dậy, cất tiếng cợời ha hả, hào sảng rất ít nghe, rất ít thấy:

268 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

- Ông giỏi lắm! Ông khôn lắm! Ông kín đáo và tế nhị lắm! Ông bắt ta suy nghĩ để tìm ra cái gốc, còn ông thì không chịu nói. Ông sợ ta nổi giận. Không sao đâu. Ta hiểu rồi! Sở dĩ máu huyết, vi thể tế bào bị nhiễm độc là do tâm sân. Sân là lửa, là độc chất. Những trạng thái ray rứt, ăn năn, hối hận, sầu buồn, ợu lự, chán nản - gốc của tâm sân - lâu

ngày làm máu huyết bị nhiễm độc nên sinh ra ghẻ lở, mụn nhọt. Ta hiểu rồi. Thần y Jīvaka quỳ sụp xuống: - Cảm ơn đại vọơng! Đại vọơng là bậc trí tuệ! Đại vọơng đã tự chữa trị cái gốc bệnh cho mình đọợc rồi!

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.